

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 462/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 08 – 12 – 2020
V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Thanh Hùng;
2. Ông Phan Phước Tân.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Đỗ Ngọc Mai Thy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Triết - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 378/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 555/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 574/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ 12, ấp AH, xã KA, huyện AP, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Võ Văn Th, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ 12, ấp AH, xã KA, huyện AP, tỉnh An Giang.

Bà H vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Th vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 13/8/2020 của bà Nguyễn Thị H; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông Th tự tìm hiểu, yêu thương nhau và được gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã KA, huyện AP, tỉnh An Giang.

Sau khi kết hôn bà H và ông Th sống tại tổ 12, ấp AH, xã KA, huyện AP. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, tuy nhiên sau hai năm kết hôn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông Th thường xuyên nhậu nhẹt rồi về kiếm chuyện chửi mắng và hành

hung bà H. Vì muốn giữ hạnh phúc gia đình nên bà H khuyên ngăn ông Th nhưng ông Th không thay đổi tính tình. Về sau, ông Th còn phát sinh cờ bạc. Đến năm 2017 thì ông Th tự ý bỏ nhà đi, thỉnh thoảng mới trở về thăm con và sau đó thì về gia đình ông Th tại ấp QH, xã QT sinh sống. Bà H và ông Th ly thân nhau từ năm 2017 đến nay, không hàn gắn tình cảm. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông Th.

Về con chung: Quá trình chung sống, sinh được 02 (hai) con chung tên: Võ Văn T, sinh ngày 22/6/2007 và Võ Kim H, sinh ngày 17/10/2013. Hiện con chung đang sinh sống cùng bà H. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được nuôi dạy 02 (hai) con chung, không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập ông Th để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 22/10/2020 nhưng ông Th vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Th, ông Th cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án.

Ngày 22/10/2020, bà H có đơn yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ cần thiết cho việc giải quyết vụ án, yêu cầu không tiến hành hòa giải và xin được vắng mặt khi vụ án được đưa ra xét xử do bận công việc làm ăn, xin nghỉ để về sẽ ảnh hưởng đến công việc và thu nhập.

- Về tài liệu, chứng cứ:

Tài liệu, chứng cứ do bà H giao nộp: Bản chính Bản tự khai ngày 13/8/2020; bản sao Giấy trích lục kết hôn số 126 ngày 01/10/2007 của Ủy ban nhân dân xã KA, huyện AP; bản sao 02 (hai) Giấy khai sinh mang tên Võ Kim T, Võ Kim H; bản sao Sổ hộ khẩu gia đình mang tên Võ Văn Th; bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị H; bản chính Đơn yêu cầu ngày 22/10/2020.

Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản lấy lời khai người làm chứng bà Nguyễn Thị L ngày 22/10/2020; biên bản xác minh ngày 27/10/2020; biên bản ghi nhận ý kiến 02 (hai) con chung của bà H và ông Th.

Tại phiên tòa, do bà H và ông Th cùng vắng mặt nên Hội đồng xét xử công bố lời trình bày của bà H, biên bản lấy lời khai người làm chứng bà Nguyễn Thị L, biên bản xác minh ngày 27/10/2020 tại ban ấp AH, xã KA, huyện AP; biên bản ghi nhận ý kiến con chung và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

- Theo biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 22/10/2020, bà Nguyễn Thị L cho biết: Bà là chị ruột của bà H. Bà ở sát nhà bà H nên biết rõ mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông Th. Về nguyên nhân và điều kiện đi đến hôn nhân của hai người là do tự quen biết nhau trước rồi được cha mẹ hai bên đồng ý đứng ra tổ chức đám cưới vào năm 2006, có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu sống hạnh phúc nhưng sau vài năm thì phát sinh mâu thuẫn do ông Th thường tụ tập bạn bè cờ bạc, rượu chè rồi về nhà quậy phá, hành hung vợ con, mỗi lần như vậy bà đều qua khuyên ngăn ông Th. Năm 2017 thì ông Th bỏ nhà đi không liên lạc với gia đình, lâu lâu mới về thăm con và về nhà mẹ ruột ông Th sống.

Về con chung: Có 02 con chung hiện đang sống với bà H như bà H trình bày.

Về tài sản chung, nợ chung: Không rõ.

Do nhà xa và sức khỏe yếu nên bà L yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

- Theo biên bản xác minh ngày 27/10/2020, đại diện ban ấp AH, xã KA, huyện AP cho biết: Ông Võ Văn Th, sinh năm 1978, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Tổ 12,

ấp AH, xã KA, huyện AP, tỉnh An Giang. Ông Th thường xuyên sinh sống tại địa phương, có nghề nghiệp là làm thợ hồ, sáng đi làm, chiều tối mới trở về.

- Theo biên bản ghi nhận ý kiến con chung, các cháu Võ Văn T và Võ Kim H đều có mong muốn sống với bà H do các cháu nhận được mọi sự chăm sóc, giáo dục từ bà H từ trước cho đến nay.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Ông Võ Văn Th vắng mặt lần thứ hai không lý do; bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và yêu cầu xét xử vắng mặt; người làm chứng bà Nguyễn Thị L đã có lời khai trực tiếp với Tòa án và có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 207, Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Theo trình bày của bà H và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà H và ông Th đã đến mức trầm trọng, sống ly thân nhau từ năm 2017, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và yêu cầu được nuôi dạy các con chung, không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung, đương sự khai không có nên không xem xét, giải quyết.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho tòa án; không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bị đơn ông Th đều vắng mặt không lý do; đồng thời, ông Th đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Như vậy, ông Th đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình. Nguyên đơn bà H có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và yêu cầu xét xử vắng mặt; người làm chứng bà Nguyễn Thị L có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, vụ án được xem là không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228, Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết:

Hôn nhân giữa bà H và ông Th hình thành do tự tìm hiểu nhau và được cha mẹ đồng ý cho tổ chức lễ cưới vào năm 2006, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã KA, huyện AP cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 126 ngày 01/10/2007. Ông Th có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ 12, ấp AH, xã KA, huyện AP, tỉnh An Giang nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và quy định tại Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà H cho rằng, quá trình chung sống, thời gian đầu vợ

chồng chung sống với nhau hạnh phúc, sau hai năm thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do ông Th không lo làm ăn mà chỉ tụ tập tham gia các tệ nạn cờ bạc, rượu chè và có hành vi bạo lực gia đình đối với bà H, bà H nhiều lần khuyên ngăn nhưng không được. Ông Th tự ý bỏ nhà đi từ năm 2017 và hai người sống ly thân nhau từ đó đến nay, không hàn gắn tình cảm. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông Th. Những mâu thuẫn mà bà H trình bày được bà Nguyễn Thị L là chị ruột của bà xác nhận trong biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 22/10/2020.

Nam nữ khi tiến đến hôn nhân đều hướng đến mục đích là xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững nhưng giữa bà H và ông Th lại tồn tại những mâu thuẫn không thể hàn gắn dẫn đến đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Việc ông Th cờ bạc, say xỉn và có hành vi bạo lực gia đình đối với bà H đã cho thấy sự vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Bên cạnh đó, việc cả 02 đã sống ly thân nhau từ năm 2017 cho đến nay, không hàn gắn tình cảm cũng đã cho thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông Th đã đến mức trầm trọng. Từ những phân tích nêu trên, có thể nhận thấy, đời sống hôn nhân giữa bà H và ông Th không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà H và ông Th sinh được 02 (hai) con chung tên: Võ Văn T, sinh ngày 22/6/2007 và Võ Kim H, sinh ngày 17/10/2013. Hiện con chung đang sinh sống cùng bà H. Khi ly hôn bà H yêu cầu được nuôi dạy 02 (hai) con chung, không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi xem xét điều kiện nuôi con của bà H, nguyện vọng của các con chung, cũng như sự đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quyết định để bà H được trực tiếp nuôi dạy con chung. Cũng phù hợp với nguyện vọng của hai cháu là được sống với mẹ.

Bà H không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã giải thích cho bà H về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung đối với người không trực tiếp nuôi con chung, cũng như nghĩa vụ cấp dưỡng của người không trực tiếp nuôi con chung, nhưng bà H vẫn giữ nguyên ý kiến của mình. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định công nhận sự tự nguyện của bà H trong việc không yêu cầu ông Th cấp dưỡng để nuôi dạy con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Ông Th cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của bà H. Ngược lại, bà H cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở ông Th trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tuy nhiên nếu sau này ông Th có yêu cầu về tài sản chung, nợ chung thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác:

Bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; ông Th không phải chịu án phí

hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà H và ông Th có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Võ Văn Th.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị H được trực tiếp nuôi dạy con chung tên: Võ Văn T, sinh ngày 22/6/2007 và Võ Kim H, sinh ngày 17/10/2013. Ông Võ Văn Th không phải cấp dưỡng để nuôi dạy con chung.

Ông Võ Văn Th cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của bà Nguyễn Thị H. Ngược lại, bà Nguyễn Thị H cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở ông Võ Văn Th trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0004752 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Ông Võ Văn Th không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

4. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai vắng mặt bà Nguyễn Thị H và ông Võ Văn Th. Bà H và ông Th có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Giấy chứng nhận kết hôn số 126 ngày 01/10/2007 của Ủy ban nhân dân xã KA, huyện AP cấp cho bà Nguyễn Thị H và ông Võ Văn Th (theo bản sao Trích lục kết hôn số 126/TLKH-BS ngày 12/8/2020 của Ủy ban nhân dân xã KA, huyện An Phú) không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

(Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1)
- VKSND huyện An Phú (1);
- THADS huyện An Phú (1);
- UBND xã Khánh An,
huyện An Phú (01);
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Tuân